

Bản án số: 22/2021/DS-ST

Ngày: 26 - 02 - 2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hội
và hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Ông Phan Hồng Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2021/QĐST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1990. (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* 2.1. Bà Dương Thị Ngọc H (Ng), sinh năm 1980. (có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt)

2.2. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1979. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 751/TB, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Năm 2016, chị có mở các dây hội 5.000.000 đồng, bà Dương Thị Ngọc H (tên thường gọi là N) có tham gia chơi hội do chị làm chủ. Sau đó bà H đã hốt hết tất cả các phần hội mà bà tham gia, chị đã giao đủ tiền hội cho bà H. Nhưng sau khi hốt hội bà H chỉ góp lại hội chết được vài lần rồi ngưng không góp nữa nên chị phải lấy tiền của mình góp thay cho bà H để đủ tiền hội giao cho các hội viên khác. Các dây hội

này mãi đã lâu nhưng bà H vẫn không góp tiền hụi chết còn nợ cho chị. Đến ngày 04/11/2019, chị và bà H chốt nợ hụi với nhau, bà H thống nhất xác nhận còn nợ chị số tiền hụi chết chưa góp là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Đồng thời, năm 2017 bà H vay của chị số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) để về tu bổ cho ghe (tàu) cá hoạt động, do quen biết nhau nên khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất cụ thể, bà H chỉ nói sẽ đóng lãi cho chị, khi vay hai bên không có lập giấy tay biên nhận nợ, cũng không nói thời hạn trả chỉ nói ghe vô sẽ trả. Sau khi vay bà H không có đóng lãi hàng tháng cho chị mà có khi hai, ba tháng mới đóng lãi một lần, mỗi lần đều đưa chung với tiền hụi nên chị không nhớ tiền lãi bà H đã đóng là bao nhiêu, chỉ nhớ khoảng 1.000.000 đồng đến gần 2.000.000 đồng và cũng chỉ đóng được 2 – 3 lần là không đóng nữa. Sau đó chị đã nhiều lần yêu cầu bà H trả tiền vay nhưng bà H hứa hẹn nhiều lần mà vẫn không trả. Cùng ngày 04/11/2019, bà H xác nhận còn nợ chị số tiền vay 70.000.000 đồng, tổng cộng tiền hụi và tiền vay là 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng), bà H hứa mỗi tháng sẽ trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng vẫn không thực hiện. Giấy tay biên nhận nợ ngày 04/11/2019 chị giao nộp cho Tòa án là do bà H viết và ký tên.

Việc bà H tham gia chơi hụi và vay tiền của chị chồng bà H là ông Nguyễn Văn M có biết, do đó chị yêu cầu bà H và ông M có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền hụi còn nợ 250.000.000 đồng và tiền vay 70.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi của tiền vay từ ngày 04/11/2019 đến ngày 04/9/2020 là 10 tháng với lãi suất 0,83%/tháng là 5.810.000 đồng, tổng cộng là 325.810.000 đồng.

Tuy nhiên, sau khi chị khởi kiện đến Tòa án bà H đã trả cho chị số tiền 5.000.000 đồng, chị đồng ý khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng đã trả vào tiền nợ vay, sau khi khấu trừ bà H còn nợ tiền vay là 65.000.000 đồng. Do đó, chị yêu cầu bà H và ông M có nghĩa vụ liên đới trả cho chị tiền hụi và tiền vay còn nợ tổng cộng là 315.000.000 đồng. Do là người quen với nhau nên chị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 5.810.000 đồng, chỉ yêu cầu bà H, ông M trả số tiền nợ 315.000.000 đồng. Trường hợp bà H, ông M chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì chị yêu cầu trả lãi trong giai đoạn thi hành án.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Dương Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn M vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 30/12/2020 bà H trình bày:

Năm 2016, bà có tham gia các dây hụi do chị L làm chủ hụi nhưng vì thời gian đã lâu nên bà không nhớ rõ chi tiết là tham gia mấy phần, hụi bao nhiêu tiền, chỉ nhớ sau khi tham gia bà đã hốt hụi rồi nhưng vì khó khăn về kinh tế nên bà không có góp lại hụi chết cho chị L. Đến ngày 04/11/2019 bà có lập biên nhận nợ với chị L, cụ thể xác nhận còn nợ chị L tiền hụi 250.000.000 đồng và tiền vay 70.000.000 đồng, tổng cộng là 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng), chị L đồng ý cho bà trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, không tính lãi. Thực tế số tiền vay 70.000.000 đồng bà vay vào năm 2017, sau khi vay bà có đóng lãi cho chị L nhiều lần nhưng chưa trả gốc, tiền lãi đóng bao nhiêu bà không nhớ. Đến ngày 04/11/2019

chốt tiền nợ hui mới chốt luôn tiền vay. Sau khi chị L khởi kiện vào tháng 11 bà có trả cho chị L 5.000.000 đồng. Do đó, bà đồng ý trả số tiền hui và vay còn nợ cho chị L tổng cộng là 315.000.000 đồng, đối với tiền lãi xin không trả. Bà và ông M có đăng ký kết hôn năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B số tiền nợ trên là nợ chung của vợ chồng. Bà hứa khi nào bán được ghe bà sẽ trả hết số tiền nợ cho chị L.

Bà xác định giấy tay biên nhận nợ ngày 04/11/2019 chị L giao nộp cho Tòa án đúng là chữ viết, chữ ký của bà, ở nhà bà có tên gọi khác là N.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nhận thấy trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là chưa thực hiện nghiêm quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Bà H thừa nhận còn nợ chị L số tiền hui và tiền vay tổng cộng 315.000.000 đồng, nợ trên là nợ chung của vợ chồng và đồng ý trả số tiền nợ 315.000.000 đồng cho chị L. Do đó, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Dương Thị Ngọc H (tên thường gọi là N), có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn M vắng mặt không lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Dương Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn M.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị L rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi đối với bị đơn bà Dương Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn M, không yêu cầu bà H, ông M trả số tiền lãi 5.810.000 đồng. Nhận thấy việc chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/12/2020, bà H thừa nhận năm 2016 có tham gia chơi hui do chị L làm chủ hui, sau khi tham gia đã hốt hui nhưng không góp lại hui chết cho chị L, đến ngày 04/11/2019 bà và chị L chốt nợ với nhau, bà thống nhất xác nhận còn nợ chị L số tiền hui 250.000.000 đồng. Và thừa nhận có vay của chị L số tiền 70.000.000 đồng vào năm 2017 nhưng chưa trả vốn vay, tổng cộng tiền hui và tiền vay còn nợ là 320.000.000 đồng. Bà H cũng thừa nhận giấy tay biên nhận nợ ngày 04/11/2019 chị L giao nộp cho Tòa án đúng là chữ viết, chữ ký của bà. Đồng

thời, bà H cho rằng tháng 11/2020 đã trả cho chị L số tiền 5.000.000 đồng, còn nợ lại 315.000.000 đồng, đây là nợ chung của vợ chồng bà, vợ chồng bà đồng ý trả số tiền còn nợ 315.000.000 đồng cho chị L. Đây là sự thừa nhận của bị đơn nên nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa, chị L thừa nhận tháng 11/2020 bà H đã trả cho chị số tiền 5.000.000 đồng, sau khi khấu trừ còn nợ lại tổng cộng là 315.000.000 đồng. Đây là sự thừa nhận của nguyên đơn nên bị đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ các điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự nhận thấy yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại bản sao trích lục kết hôn của Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện B thì bà Dương Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn M có đăng ký kết hôn tại UBND xã B ngày 12/9/2000. Như vậy, khoản nợ trên là phát sinh trong thời gian hôn nhân của bà H và ông M, tiền hui, tiền vay được sử dụng vào việc tu bổ cho ghe hoạt động nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình và bà H cũng thừa nhận đây là nợ chung của vợ chồng. Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình xác định số tiền nợ 315.000.000 đồng là nợ chung của vợ chồng, vì vậy ông M có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả cho chị L số tiền 315.000.000 đồng.

[6] Nhận thấy lời trình bày của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: 15.750.000 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị L được chấp nhận nên bị đơn bà H, ông M phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 227, 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L đối với yêu cầu bị đơn bà Dương Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn M trả số tiền lãi 5.810.000 đồng (Năm triệu tám trăm mười nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L. Buộc bị đơn bà Dương Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị L tổng số tiền 315.000.000 đồng (Ba trăm mười lăm triệu đồng), trong đó tiền hui là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), tiền vay là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% là: 15.750.000 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) buộc bị đơn bà Dương Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn M phải có nghĩa vụ liên đới nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho chị Lê Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0002830 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phúc thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phúc thẩm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Phương Nhi